

Số: /QĐ-NT

Sông Mã, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tiêu chí điểm cộng, điểm trừ và xếp loại thi đua
các lớp, năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNTTHCS VÀ THPT SÔNG MÃ

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGD&ĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDT nội trú;

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XII, ban hành năm 2022, quy định nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của đoàn viên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và kỹ năng cho đoàn viên, thanh thiếu niên;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường PTDT Nội trú THCS và THPT huyện Sông Mã;

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường PTDTNT THCS và THPT Sông Mã;

Căn cứ nội quy học sinh năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2025-2026; Kế hoạch công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh năm học 2025-2026.

Xét đề nghị của Ban chấp hành Đoàn trường PTDTNT THCS và THPT Sông Mã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là Bộ tiêu chí điểm cộng, điểm trừ và xếp loại thi đua các lớp, năm học 2025-2026 của Trường PTDTNT THCS và THPT Sông Mã. (có bộ tiêu chí đính kèm).

Điều 2. Bộ tiêu chí điểm cộng, điểm trừ và xếp loại thi đua các lớp được áp dụng từ tuần học thứ 6, năm học 2025-2026.

Điều 3. Ban chấp hành Đoàn trường, Đội TNTP Hồ Chí Minh nhà trường, Giáo viên chủ nhiệm các lớp và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Các tổ chuyên môn, Văn phòng;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Đoàn TN; Đội TN;
- Ban đại diện CMHS;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Văn Tùng

BỘ TIÊU CHÍ**điểm cộng, điểm trừ và xếp loại thi đua các lớp, năm học 2025-2026**

(Ban hành kèm theo QĐ số 189/QĐ-NT, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Trường PTDTNT
THCS và THPT Sông Mã)

I. ĐIỂM CỘNG.

T T	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM CỘNG		
		Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh
1	Giải nhất một trong các cuộc thi (tính theo lượt giải)	10 điểm /1hs	12 điểm /1hs	15 điểm /1hs
2	Giải nhì một trong các cuộc thi (tính theo lượt giải)	8 điểm /1hs	10 điểm /1hs	13 điểm /1hs
3	Giải ba một trong các cuộc thi (tính theo lượt giải)	6 điểm /1hs	8 điểm /1hs	10 điểm /1hs
4	Giải KK một trong các cuộc thi (tính theo lượt giải)	4 điểm /1hs	6 điểm /1hs	8 điểm /1hs
5	Đạt danh hiệu Học sinh giỏi, Học sinh tiên tiến cuối kỳ/năm học	Xuất sắc: 12 điểm/1 học sinh Giỏi: 8 điểm/ 1 học sinh Tiên tiến: 5 điểm/1 học sinh		
6	Được khen thưởng của nhà trường, địa phương, đoàn thể (giấy khen, bằng khen) trong hoạt động, phong trào	Bằng khen: 12 điểm/ 1 học sinh Giấy khen: 8 điểm/ 1 học sinh		
7	Phòng ở sạch đẹp	Cộng 6 điểm/ 1 phòng ở		
8	Tuyên dương HS nhất được của rơi trả lại, có hành động đẹp, nghĩa cử cao đẹp	4 điểm/ 1 học sinh		
9	Điểm miệng đạt giỏi (Điểm 9, 10)	2 điểm /1 học sinh		
10	Giờ học tốt	1 điểm /1tiết		
11	Cá nhân đạt trong tuần (1-5 học sinh xuất sắc nhất do tập thể lớp chọn ra)	1 điểm /1 học sinh		

II. ĐIỂM TRỪ

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ		ĐIỂM TRỪ
		Giờ học TB	Trừ 2 điểm/ tiết học
		Giờ học Y	Trừ 4 điểm

1	Học tập	Điểm KT miệng (<i>dưới 5 điểm</i>)	Trừ 1 điểm/ 1 học sinh
		Vi phạm trong kiểm tra	Trừ 4 điểm/1 học sinh
		Nghỉ học không lí do	Trừ 2 điểm/ 1 học sinh
		Trang phục học tập không đúng quy định; không đeo cáp, khăn quàng; sách vở, đồ dùng học tập bừa bộn, thiếu gọn gàng; đọc truyện hoặc làm việc riêng trong giờ học; đi học muộn; không học bài, không soạn bài	Trừ 2 điểm/ 1 học sinh/ lỗi/ lượt vi phạm
		Mất trật tự giờ học, giờ tự quản buổi tối	Trừ từ 1-5 điểm/ tính theo lỗi cá nhân hoặc tập thể
2	Nề nếp sinh hoạt	Mất trật tự giờ ngủ trưa/ tối; không ngủ trưa, ngủ tối đúng quy định; nói tục, chửi bậy; đi vệ sinh không đúng nơi quy định; treo, phơi quần áo không đúng dây phơi của lớp; vứt rác bừa bãi; tóc nhuộm màu sai quy định; sử dụng điện thoại trái nội quy nhà trường; ăn uống không đúng nơi, không đúng giờ gây ảnh hưởng tới tập thể;...	Trừ 1- 5 điểm/ 1 học sinh/ lỗi/ lượt vi phạm (tùy theo mức độ)
		Chào cờ tập trung chậm, không nghiêm túc, xếp hàng không ngay ngắn	Trừ tối đa 4 điểm
3	Phẩm chất	Vô lễ với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường hoặc khách; đánh nhau; phá hoại tài sản công, bẻ cây, bẻ hoa; uống rượu, bia, hút thuốc lá, thuốc láo; trèo tường; phá hoại bồn hoa, cây cảnh; rửa dụng cụ ăn uống, tắm rửa, giặt khăn lau bảng trong bể nước gây mất vệ sinh; sử dụng điện thoại không đúng quy định; trộm cắp tài sản cá nhân hoặc tập thể; bao che cho các hành vi vi phạm; quan hệ nam nữ không trong sáng; đe dọa, xúc phạm hoặc sử dụng bạo lực với người khác; sử dụng, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các loại chất cấm, chất gây cháy, nổ bị pháp luật nghiêm cấm,...	Trừ 5-10 điểm/1 học sinh/lỗi (tùy mức độ vi phạm)
3		Vệ sinh lớp học, khu nội trú chưa đạt	Trừ theo thang điểm 10

	Vệ sinh	Trực nhật muộn	Trừ theo thang điểm 10 (theo mức độ, HS đang vệ sinh trống vào... linh hoạt trong cách trừ)
4	Nội vụ phòng ở	Vệ sinh phòng ở, chăn màn, quần áo, giày dép không đúng quy định	Trừ theo thang điểm 10
5	Thể dục	Tập không nghiêm túc	Trừ 1 điểm/ 1 học sinh
		Nghỉ không lý do	Trừ 2 điểm/ 1 học sinh
6	ATGT	Vi phạm các quy định của pháp luật về ATGT	Trừ 5-10 điểm/1 học sinh/lỗi theo mức độ

III. Xếp loại lớp cuối năm

Hạng	Điểm trung bình cả năm của lớp	Ghi chú
Tốt	≥ 50 điểm	Lớp duy trì nề nếp, không có vi phạm nghiêm trọng, học sinh tiến bộ, tham gia hoạt động tích cực
Khá	$45 < 50$ điểm	Lớp có một số vi phạm nhẹ, nhưng vẫn giữ nề nếp chung, học sinh có tiến bộ
Trung bình	$40 < 45$ điểm	Lớp vi phạm nhiều hơn, nề nếp chưa ổn định, cần cải thiện quản lý
Yếu	< 40 điểm	Lớp vi phạm nghiêm trọng, nhiều học sinh không tuân thủ nội quy, giáo viên chủ nhiệm cần có biện pháp mạnh

IV. Ghi chú

1. Điểm khởi đầu: Tổng điểm ban đầu của mỗi lớp là **50 điểm/lớp/tuần**.

2. Cách tính điểm cuối tuần:

- Điểm cuối tuần = 50 + Tổng điểm cộng – Tổng điểm trừ.
- Điểm trừ được tính theo từng lỗi vi phạm; tái phạm cộng dồn theo số lần vi phạm.

3. Tổng hợp điểm: Điểm cộng/trừ được tổng hợp hàng tuần và hàng tháng để xét thi đua.

4. Căn cứ đánh giá:

- Sổ ghi đầu bài, sổ theo dõi của Đoàn – Đội, sổ trực hàng ngày.
- Các minh chứng do giáo viên cung cấp.
- Biên bản vi phạm (nếu có).

5. Trách nhiệm theo dõi, ghi nhận và báo cáo:

Ban quản lý nội trú, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Đoàn trường và Liên đội.